

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5298 /QĐ- BNNMT

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng
khu công nghiệp Tân Phước 1”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần IDICO Tiền Giang tại Văn bản số 118/2025/ITC-KTh ngày 20 tháng 11 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Phước 1” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần IDICO Tiền Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp (địa chỉ trước ngày 01/7/2025 là xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường,

được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công ty Cổ phần IDICO Tiền Giang;
- UBND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở NN&MT tỉnh Đồng Tháp;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp;
- BPMC, BNN&MT;
- Lưu: VT, MT.AT



CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP TÂN PHƯỚC 1”

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Phước 1.
- Địa điểm thực hiện: Xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp (địa chỉ trước ngày 01/7/2025 là xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang).
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần IDICO Tiền Giang.
- Địa chỉ liên hệ: 138 Trần Hưng Đạo, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Tân Phước 1” là dự án đầu tư mới; đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 31/5/2024.

1.2. Quy mô

Dự án có quy mô diện tích là 470 ha, được thực hiện tại xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp (địa chỉ trước ngày 01/7/2025 là xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang).

Tọa độ các điểm không chế của Dự án theo Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3° như sau:

STT	Điểm	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
1	Đ1	1158205,26	559311,17
2	Đ2	1156423,43	559612,85
3	Đ3	1155338,82	557823,38
4	Đ4	1157037,04	556893,61
5	Đ5	1158277,31	558956,61
6	Đ6	1158339,92	558918,97
7	Đ7	1158477,25	559148,30

1.3. Phạm vi

1.3.1. Phạm vi của Dự án

Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp (KCN) trên tổng diện tích khoảng 470 ha với các hoạt động và hạng mục công trình chủ yếu như sau:

- Giải phóng mặt bằng; rà phá bom mìn; san nền; xây dựng hệ thống đường

giao thông nội bộ KCN; hệ thống cấp điện (Trạm biến áp 110kV KCN Tân Phước 1, các trạm biến áp hạ thế và lưới điện trung thế 22kV); hệ thống cấp nước và phòng cháy, chữa cháy (PCCC); hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước thải; 01 trạm xử lý nước thải (XLNT) tập trung công suất 9.000 m³/ngày đêm; 03 hệ thống xử lý mùi từ trạm XLNT tập trung; khu vực lưu giữ bùn thải, kho chất thải nguy hại; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; bãi đỗ xe; hệ thống cây xanh - mặt nước; khu nhà điều hành, dịch vụ; cổng và hàng rào KCN.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm các hoạt động: Khai thác, vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng phục vụ thi công KCN nằm ngoài phạm vi Dự án; xây dựng khu tái định cư cho công tác giải phóng mặt bằng KCN; xây dựng và vận hành đường giao thông kết nối KCN với hạ tầng khu vực ngoài phạm vi Dự án; nội dung đánh giá tác động môi trường của từng dự án đầu tư thứ cấp của KCN (trừ hoạt động thu gom nước thải đầu nối để xử lý theo quy định).

1.3.2. Các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào KCN

Các ngành nghề được phép thu hút vào KCN được Chủ dự án xác định trên cơ sở Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 31/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án, Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh Tiền Giang phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Tân Phước 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, Văn bản số 347/BQL-QHXĐĐT ngày 09/5/2025 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Tiền Giang về việc chi tiết danh mục ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN Tân Phước 1 và Văn bản số 1406/UBND-ĐTQH ngày 15/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc bổ sung ngành nghề vào danh mục ngành nghề thu hút đầu tư tại Khu công nghiệp Tân Phước 1. Chi tiết như sau:

TT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C10
-	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	C1010 (trừ C10101)
-	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (chỉ thu hút các dự án chỉ có hoạt động bảo quản thủy sản)	C1020
-	Chế biến và bảo quản rau quả	C1030
-	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	C1040
-	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	C1050
-	Xay xát và sản xuất bột thô	C1061
-	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	C1062
-	Sản xuất các loại bánh từ bột	C1071
-	Sản xuất đường	C1072
-	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	C1073

-	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	C1074
-	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	C1075
-	Sản xuất chè	C1076
-	Sản xuất cà phê	C1077
-	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	C1079
-	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm (không bao gồm sản xuất thức ăn thủy sản)	C1080
2	Sản xuất đồ uống	C11
-	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	C1101
-	Sản xuất rượu vang	C1102
-	Sản xuất bia	C1103
-	Sản xuất mạch nha ủ men bia	C1104
-	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	C1105
3	Dệt	C13
-	Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt	C131
-	Sản xuất hàng dệt khác	C139
4	Sản xuất trang phục	C14
-	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	C1410
-	Sản xuất trang phục đan móc	C1430
5	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (không bao gồm thuộc da)	C15
-	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	C1512
-	Sản xuất giày, dép	C1520
6	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	C16
-	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	C161
-	Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	C162
7	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	C17
-	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	C1702
-	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	C1709

8	Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	C20
-	Sản xuất hoá chất cơ bản	C2011
-	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	C2012
-	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	C2013
-	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (Trừ sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp không thuộc danh mục thuốc BVTV sinh học theo quy định pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật)	C2021
-	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	C2022
-	Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	C2023
-	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	C2029
-	Sản xuất sợi nhân tạo	C2030
9	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21
10	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22
-	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su (trừ sử dụng nhựa tái chế)	C2211
-	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (trừ sử dụng nhựa tái chế)	C2219
-	Sản xuất sản phẩm từ plastic (trừ sử dụng nhựa tái chế)	C2220
11	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C23
-	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	C231
-	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu	C239
12	Sản xuất kim loại	C24
-	Sản xuất sắt, thép, gang	C2410
-	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	C2420
-	Đúc sắt, thép	C2431
-	Đúc kim loại màu	C2432
13	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (Trừ máy móc thiết bị)	C25
-	Sản xuất các cấu kiện kim loại	C2511
-	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	C2512
-	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	C2513
-	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	C2591

-	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	C2592
-	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	C2593
-	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	C2599
14	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
-	Sản xuất linh kiện điện tử	C261
-	Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính	C262
-	Sản xuất thiết bị truyền thông	C263
-	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	C264
-	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ	C265
-	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	C266
-	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	C267
-	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	C268
15	Sản xuất thiết bị điện	C27
-	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	C271
-	Sản xuất pin và ắc quy	C272
-	Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn	C273
-	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	C274
-	Sản xuất đồ điện dân dụng	C275
-	Sản xuất thiết bị điện khác	C279
16	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
-	Sản xuất máy thông dụng	C281
-	Sản xuất máy chuyên dụng	C282
17	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
-	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C2910
-	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	C2920
-	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	C2930
18	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
-	Đóng tàu và cầu kiện nổi	C3011
-	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	C3012
-	Sản xuất mô tô, xe máy	C3091
-	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	C3092
-	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	C3099
19	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C31

20	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
21	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33
22	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	D35
-	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	D3512 (trừ D35121, D35122)
-	Truyền tải và phân phối điện	D3513
-	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	D3520
-	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	D3530
23	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	E36
24	Thoát nước và xử lý nước thải	E37
25	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H52
26	Hoạt động kinh doanh bất động sản	M68
	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Cho thuê kho bãi, nhà xưởng xây sẵn với các ngành nghề đúng theo tính chất ngành nghề của KCN đã được phê duyệt)	M6810
27	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	N72
28	Dịch vụ lưu trú	I55
29	Dịch vụ ăn uống	I56

(Chủ dự án rà soát, chuẩn xác từng loại hình thu hút đầu tư vào KCN trong quá trình lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường để bảo đảm phù hợp với định hướng thu hút đầu tư tại tỉnh Đồng Tháp ở thời điểm cấp phép).

1.3.3. Các hạng mục công trình của Dự án

a) Các hạng mục công trình chính và phụ trợ

- Giải phóng mặt bằng; rà phá bom mìn.
- San lấp mặt bằng trên tổng diện tích khoảng 466,95 ha (trong đó phải giữ nguyên hiện trạng 3,05 ha mặt nước kênh Bảy).
- Xây dựng nhà điều hành dịch vụ, cổng chào, hàng rào KCN, nhà bảo vệ.
- Xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ có tổng diện tích 47,56 ha.
- Xây dựng hệ thống cấp nước trong ranh giới KCN với tổng chiều dài khoảng 17.699 m.

- Xây dựng trạm biến áp 110kV KCN Tân Phước 1 và các trạm biến áp phân phối 22/0,4 kV - 3x15KVA, 3x25KVA, 3x37,5KVA và hệ thống cấp điện; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống PCCC.

b) Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống thoát nước mưa, nước thải.
- 03 trạm bơm nước thải chuyên bậc, công suất lần lượt là 130 m³/giờ, 90 m³/giờ, 60 m³/giờ.
- 01 trạm XLNT tập trung công suất 9.000 m³/ngày (bao gồm 03 module, mỗi module công suất 3.000 m³/ngày. đem được phân kỳ đầu tư theo nhu cầu dự án thứ cấp được thu hút đầu tư vào KCN).
- 01 hồ sự cố có thể tích khoảng 6.000 m³.
- 03 hệ thống xử lý mùi phát sinh từ trạm XLNT được đầu tư làm 03 giai đoạn, công suất 16.290 m³/giờ (giai đoạn 1), 16.100 m³/giờ/giai đoạn (giai đoạn 2 và 3).
- 01 kho chứa chất thải nguy hại (CTNH) diện tích khoảng 37,2 m².
- Khu vực lưu giữ bùn thải từ trạm XLNT tập trung có diện tích khoảng 135 m²; nhà chứa bùn kết hợp với phơi bùn số 1 có diện tích khoảng 894 m²; nhà chứa bùn kết hợp với phơi bùn số 2 có diện tích khoảng 874 m² và nhà chứa bùn kết hợp với phơi bùn số 3 có diện tích khoảng 708 m².
- Hệ thống cây xanh tổng diện tích khoảng 48,31 ha (cây xanh cảnh quan và dải cây xanh cách ly của KCN), mặt nước tổng diện tích khoảng 4,85 ha (đất mặt nước kênh Bấy và mương thoát nước cây xanh cách ly). Tổng diện tích khoảng 53,16 ha (chiếm 11,31 % tổng diện tích).

1.3.4. Các hoạt động của Dự án

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thi công san nền và thi công, xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật của KCN và các công trình xây dựng khác.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN.
- Hoạt động nhà điều hành dịch vụ, các công trình hạ tầng kỹ thuật (trạm XLNT tập trung công suất 9.000 m³/ngày đem, các hệ thống xử lý mùi từ trạm XLNT, trạm biến áp 110kV Tân Phước 1,...)
- Thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn (CTR) thông thường, CTNH phát sinh từ hoạt động thuộc trách nhiệm của Chủ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình của Dự án; vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, CTR sinh hoạt, CTR thông thường, CTNH, có nguy cơ gây ngập úng, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông đường bộ, đường thủy, sự cố sạt lở, sụt lún, cháy, nổ.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Hoạt động của các phương tiện giao thông đường bộ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

+ Hoạt động của khu nhà điều hành dịch vụ, các công trình hạ tầng kỹ thuật của KCN phát sinh nước thải sinh hoạt, CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

+ Hoạt động của trạm XLNT tập trung công suất 9.000 m³/ngày đêm phát sinh khí (mùi), CTR thông thường, bùn thải, CTNH và tiếng ồn; hoạt động nạo vét, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải định kỳ phát sinh bùn thải.

+ Hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, bụi, khí thải, CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

+ Các sự cố, rủi ro: Sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, ngập lụt, sự cố rò rỉ đường ống cấp thoát nước, sự cố trong quá trình vận hành trạm XLNT tập trung và các hệ thống xử lý mùi phát sinh từ trạm XLNT của Dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường với lưu lượng khoảng 10 m³/ngày đêm (tối đa khoảng 100 công nhân). Thành phần chủ yếu gồm: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, Amoni, Nitrat, tổng photpho, dầu mỡ động, thực vật, tổng Coliforms.

- Nước thải từ hoạt động bơm cát san lấp mặt bằng, ước tính lưu lượng 1.851,80 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, đất và cát.

- Nước thải từ hoạt động rửa phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị thi công phát sinh khoảng 20,4 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ và đất, cát.

b) Giai đoạn vận hành

Nước thải sinh hoạt và công nghiệp phát sinh từ khu vực nhà điều hành, các công trình hạ tầng kỹ thuật của KCN, các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp của KCN với lưu lượng khoảng 8.811 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng, gồm: pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni (tính theo N), Sunfua, Florua, Clorua, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, tổng dầu mỡ khoáng, tổng Coliforms, các kim loại nặng (Hg, Fe, Cu, As, Cr, Zn, Pb...).

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục, công trình hạ tầng kỹ thuật. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Bụi từ hoạt động vận chuyển, bơm cát san lấp. Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng khác, chở phế thải, chất thải... Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Hoạt động hàn phát sinh khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: CO, NO_x, hơi hàn.

- Quá trình trải nhựa mặt đường nội bộ KCN phát sinh hơi nhựa đường.

b) Giai đoạn vận hành

- Mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy XLNT tập trung công suất 9.000 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Amoniac (NH₃), hydro sunfua (H₂S), methyl mercaptan (CH₃SH).

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong KCN. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng, gồm: Bụi, NO_x, CO, SO₂.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN. Lưu lượng và thành phần phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư và thuộc trách nhiệm quản lý của các chủ dự án đầu tư thứ cấp.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTR

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- CTR sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân tại công trường với khối lượng ước tính khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ trái cây, túi nilon, chai nhựa, lon nhôm, thủy tinh.

- CTR từ hoạt động phát quang thảm thực vật với khối lượng ước tính khoảng 21.744,42 tấn/quá trình. Thành phần chủ yếu gồm: Thực bì, cây cỏ, đất cát bám theo rễ cây.

- CTR xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng tổng khối lượng khoảng 10.647,564 tấn tương đương khoảng 5,92 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Sắt, thép, đá vụn, xi măng, bao bì chứa xi măng và các loại khác (đỉnh đĩa, ốc,...).

b) Giai đoạn vận hành

- CTR sinh hoạt của người lao động tại các khu nhà hành chính dịch vụ, khu vực các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án (trạm XLNT tập trung, trạm biến áp 110kV KCN Tân Phước 1,...) phát sinh với khối lượng khoảng 40 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ hoa quả, túi ni lông, vỏ chai, bìa các tông, giấy vụn, thủy tinh.

- CTR công nghiệp thông thường phát sinh từ trạm XLNT tập trung, hoạt động duy tu, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khoảng 700 tấn/năm. Thành phần chủ yếu, gồm: Hộp carton, bao bì không chứa thành phần nguy hại, bao bì nhựa cứng, cành cây, cỏ dại,...

- Bùn cặn nạo vét cống, rãnh thoát nước mưa, nước thải khoảng 1.848 tấn/năm.

- CTR thông thường phát sinh từ hoạt động của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN. Khối lượng và thành phần phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư và thuộc trách nhiệm của các chủ đầu tư thứ cấp.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH

a) Giai đoạn thi công xây dựng

CTNH từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh khoảng 22.670,6 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu: Chất thải có chứa dầu, giẻ lau dính dầu, dầu thải, bóng đèn huỳnh quang thải.

b) Giai đoạn vận hành

- CTNH từ hoạt động của khu nhà hành chính điều hành dịch vụ, các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án (trạm XLNT tập trung, trạm biến áp 110kV KCN Tân Phước 1,...) phát sinh khoảng 310 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Giẻ lau dính dầu, bao bì đựng hóa chất, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, pin và ắc quy thải bỏ.

- Bùn thải phát sinh từ trạm XLNT tập trung khoảng 155,4 m³/ngày đêm.

- CTNH phát sinh từ hoạt động của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN. Khối lượng và thành phần phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư và thuộc trách nhiệm của các chủ đầu tư thứ cấp.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công xây dựng và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, phế thải.

b) Giai đoạn vận hành

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào KCN.

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN.

- Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng, trạm biến áp 110kV KCN Tân Phước 1, trạm XLNT tập trung.

3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước mưa chảy tràn phát sinh tại khu vực thi công với lưu lượng lớn nhất khoảng 4,71 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

- Tổng khối lượng đất đào từ hạng mục đường giao thông, đào móng các công trình hạ tầng kỹ thuật của Dự án khoảng 851.953,1 m³.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải có nguy cơ gây ngập úng, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ và đường thủy và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ. Việc sử dụng bơm cát làm vật liệu san lấp mặt bằng có nguy cơ tràn, vỡ bờ bao gây tràn đổ ra khu vực xung quanh.

- Hoạt động thu hồi đất, di dời mồ mả gây ảnh hưởng đến đời sống của người dân, tác động đến kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ KCN được thu gom và thoát ra cửa xả với lưu lượng khoảng 100 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

- Hoạt động xả nước thải sau xử lý ra kênh Bến Chùa - Chợ Bung có khả năng tác động tiêu cực đến chất lượng nước nguồn tiếp nhận nếu không được thu gom xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật; tác động đến chất lượng nguồn nước cấp cho KCN Long Giang (do các kênh này được liên thông với nhau).

- Hoạt động tiêu, thoát nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án có nguy cơ ngập úng cục bộ khi công trình tiêu thoát bị hư hỏng.

- Sự cố, rủi ro trong quá trình vận hành Dự án: Sự cố cháy nổ, sự cố kho chứa chất thải, sự cố trạm XLNT tập trung, sự cố hệ thống xử lý khí (mùi) của trạm XLNT tập trung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí khoảng 06 nhà vệ sinh di động để thu gom, lưu chứa toàn bộ nước thải sinh hoạt tại khu vực công trường thi công để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, đảm bảo không xả thải ra môi trường. Công nhân tham gia thi công không tổ chức ăn ở, lưu trú tại công trường.

Quy trình thực hiện: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị

chức năng hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể.

- Đối với nước thải từ hoạt động bơm cát san lấp mặt bằng: Được thu gom vào các rãnh thoát nước chảy ra các hố lắng có kích thước dự kiến 15 m³/hố (kích thước dự kiến 5,0 x 2,0 x 1,5 m) để lắng lọc sơ bộ. Nước sau khi lắng chảy vào hệ thống mương thoát nước mưa xung quanh ranh KCN kết nối vào kênh Bẫy. Các hố lắng được san lấp bằng phẳng sau khi quá trình bơm cát kết thúc.

- Đối với nước thải từ hoạt động rửa phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị thi công: Xây dựng rãnh thu gom nước thải và bố trí 03 hố lắng tạm có dung tích dự kiến là 5,0 m³ (kích thước 2,5 x 2,0 x 1,0 m) tại khu vực cầu rửa xe. Nước thải chảy tràn vào các rãnh thu gom, dẫn về hố lắng để lắng cát và tách dầu. Phần nước sau lắng được tái sử dụng để rửa xe, tưới ẩm dập bụi tại khu vực san lấp và thi công, bãi tập kết nguyên vật liệu, không xả ra môi trường; váng dầu được thu gom xử lý cùng với CTNH.

- Thường xuyên khơi thông hệ thống mương thoát nước mưa, thu gom dầu và cặn tại hố lắng tại khu vực cầu rửa xe, bố trí song chắn rác dọc tuyến mương thoát nước mưa; thực hiện che chắn và hạn chế vật liệu xây dựng rơi vãi trên công trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh từ các dự án thứ cấp được thu gom về trạm XLNT tập trung bằng đường ống HDPE có kích thước D160 mm – D800 mm; sử dụng 03 trạm bơm chuyển bậc công suất lần lượt là 3.100 m³/ngày, 2.100 m³/ngày, 1.400 m³/ngày. Trạm XLNT tập trung có công suất xử lý 9.000 m³/ngày đêm (gồm 03 module, mỗi module công suất thiết kế 3.000 m³/ngày đêm) để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với hệ số K_q = 0,9, K_f = 0,9 và áp dụng QCVN 08:2023/BTNMT, mức B đối với chỉ tiêu BOD₅, COD và Amoni trước khi xả ra kênh Bến Chùa - Chợ Bưng.

- Chỉ cho phép các dự án đầu tư thứ cấp đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN sau khi đảm bảo lưu lượng, chất lượng nước thải phù hợp với tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của trạm XLNT tập trung theo Hợp đồng thuê hạ tầng kỹ thuật (hoặc Hợp đồng xử lý nước thải) giữa Chủ dự án và các nhà đầu tư thứ cấp. Trong trường hợp dự án đầu tư thứ cấp chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng dưới 10 m³/ngày đêm, cho phép đầu nối nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại về trạm XLNT tập trung của KCN, đồng thời đảm bảo tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt từ các nhà máy này nhỏ hơn hoặc bằng 10% công suất xử lý của trạm XLNT tập trung.

Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của trạm XLNT tập trung của KCN, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Độ màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5 – 9

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	250
5	COD	mg/l	500
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	260
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (IV)	mg/l	0,0405
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,0567
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng Nito	mg/l	55
25	Tổng P (tính theo P)	mg/l	8
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	405
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,243
30	Tổng PCB	mg/l	0,00243
31	Coliform	MPN/100ml	-
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

Trên cơ sở các thông số ô nhiễm nêu trên, Chủ dự án có trách nhiệm:

+ Phối hợp với chủ dự án thứ cấp xác định cụ thể từng thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải phát sinh từ dự án thứ cấp đầu nối về trạm XLNT tập trung của KCN trong văn bản thoả thuận đầu nối nước thải.

+ Thống nhất cơ chế giám sát chất lượng nước thải đầu nối của từng dự án/cơ sở thứ cấp tại văn bản thoả thuận đầu nối nước thải; bảo đảm kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu nối theo các thông số ô nhiễm đã thoả thuận; không tiếp nhận nước thải vượt tiêu chuẩn tiếp nhận.

+ Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp nước thải từ dự án/cơ sở thứ cấp đầu nối về trạm XLNT tập trung của KCN vượt tiêu chuẩn tiếp

nhận mà không được Chủ dự án phát hiện.

+ Ban hành quy chế bảo vệ môi trường của KCN trong đó thể hiện rõ cơ chế giám sát chất lượng nước thải đầu nổi của các dự án/cơ sở thứ cấp trong KCN.

- Trạm XLNT tập trung công suất 9.000 m³/ngày đêm, gồm 03 module có công suất và quy trình công nghệ xử lý nước thải giống nhau.

Quy trình công nghệ: Nước thải → Mương dẫn kết hợp lắng cát → Thiết bị lược rác thô → Hồ thu gom → Thiết bị lược rác tinh A/B/C → Bể tách dầu mỡ A/B/C → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể keo tụ → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể đệm → Bể Anoxic A/B/C → Bể Aerotank A/B/C → Bể lắng sinh học → Bể hạ pH → Bể Fenton → Bể oxy hóa → Bể trung hòa → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể kiểm chứng → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận (kênh Bến Chùa – chợ Bung).

- Nước thải sau xử lý của KCN đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 0,9$ và áp dụng QCVN 08:2023/BTNMT, mức B đối với chỉ tiêu BOD₅, COD và Amoni trước khi xả ra kênh Bến Chùa - Chợ Bung (công trình thủy lợi) tại 01 vị trí có tọa độ: X(m) = 1157084,17; Y(m) = 559584,55 (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°). Hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp đồng thuận tại Công văn số 140/SNN&MT-CCTL ngày 14/7/2025.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải thi công xây dựng phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thu gom nước thải và trạm XLNT tập trung chia thành 03 module phù hợp với tiến độ lắp đặt và hoạt động của KCN, đảm bảo khả năng thu gom, xử lý toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của KCN đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 0,9$ (Từ ngày 01/01/2032, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) và áp dụng QCVN 08:2023/BTNMT, mức B đối với chỉ tiêu BOD₅, COD và Amoni trước khi xả ra kênh Bến Chùa - Chợ Bung. Không được phép xả thải trong trường hợp xảy ra sự cố với trạm XLNT tập trung hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy định này.

- Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo trạm XLNT tập trung luôn vận hành bình thường; việc vận hành trạm XLNT tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung theo quy định.

- Lắp đặt (01) hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với nước thải sau xử lý của trạm XLNT tập trung, có camera theo dõi, thiết bị lấy mẫu nước thải tự động, truyền số liệu trực tiếp đến cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh theo đúng quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục tại đầu ra bao gồm: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD,

Amoni. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

- Xây dựng, vận hành hồ sơ cố nước thải có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của trạm XLNT tập trung.

- Quy định cụ thể việc xử lý sơ bộ nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN, điều kiện được tiếp nhận và tạm dừng tiếp nhận nước thải đối với các dự án đầu tư thứ cấp vào KCN thông qua hợp đồng trách nhiệm; giám sát, quản lý chặt chẽ các hoạt động xây dựng, vận hành của các dự án đầu tư thứ cấp, đảm bảo nước thải phải được xử lý đạt yêu cầu kỹ thuật về đầu nổi trước khi chảy vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Dự án.

- Tại vị trí đặt cửa xả nước thải của Dự án phải lắp đặt biển báo cụ thể, rõ ràng tại các vị trí xả nước thải vào công trình thủy lợi.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Yêu cầu các đơn vị tham gia thi công xây dựng thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Lập hàng rào bằng tôn cao 2-3 m xung quanh khu vực công trường thi công; chỉ sử dụng những phương tiện đã được đăng kiểm; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và trên dọc tuyến đường tiếp cận; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; rửa xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN được chủ đầu tư các dự án thứ cấp xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo quy định.

- Lắp đặt 03 hệ thống xử lý mùi để xử lý mùi hôi từ trạm XLNT tập trung, trong đó, chia làm 03 giai đoạn phù hợp với tiến độ đầu tư trạm XLNT, với công suất thiết kế lần lượt là 16.290 m³/giờ (giai đoạn 1), 16.100 m³/giờ/giai đoạn (giai đoạn 2 và 3).

- + Quy trình xử lý của 03 hệ thống xử lý mùi như nhau: Khí thải (mùi hôi) → Tháp hấp thụ (sử dụng dung dịch kiềm) → Ống thải (H = 03 m và D = 700 mm).

- + Quy chuẩn áp dụng: Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B; các hệ số Kp = 0,9 và Kv = 1,0). Từ ngày 01/01/2032 đạt QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí

thải công nghiệp (cột C).

- Máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; bố trí vị trí phòng đặt máy phát điện dự phòng đảm bảo khoảng cách ly với các khu vực khác.

- Thực hiện vệ sinh, phun, tưới nước cho các tuyến đường giao thông nội bộ trong khuôn viên KCN; quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Riêng đối với khu vực xung quanh giáp với khu dân cư hiện trạng hoặc quy hoạch khu tái định cư, bổ sung thêm một số giải pháp sau:

- + Bố trí dải cây xanh cách ly kết hợp mương nước có bề rộng 50 m.

- + Tại các lô A, B, C, N, M, J, KHO không bố trí các ngành nghề sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo diện tích đất cây xanh tối thiểu đạt 10% tổng diện tích đất KCN. Đối với các khu vực gần khu dân cư phải bố trí trồng dải cây xanh cách ly theo quy hoạch được duyệt. Thiết lập hàng rào cây xanh bao quanh KCN và hành lang cây xanh cách ly trạm XLNT tập trung đáp ứng QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và được nạo vét bùn, bảo trì các thiết bị định kỳ.

- Máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; bố trí vị trí phòng đặt máy phát điện dự phòng đảm bảo khoảng cách ly với các khu vực khác.

- Tổ chức giám sát, yêu cầu cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp đầu tư trong KCN phải xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép riêng cho từng cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Các công trình, biện pháp quản lý CTR

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí các thùng rác 60 lít tại khu vực nhà điều hành và các thùng rác nhựa HDPE 120 lít trong phạm vi công trường, đảm bảo thu gom toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo đúng quy định.

- CTR trong quá trình phát quang thực vật được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Đối với CTR xây dựng: Bố trí các khu vực tập kết CTR xây dựng có diện tích khoảng 20 m² có vách ngăn, mái che bằng tôn và dán biển báo. Các loại CTR, phế liệu còn giá trị sử dụng được chuyển giao cho đơn vị có chức năng tái chế, tái

sử dụng theo quy định. Các loại CTR không thể tận dụng trong quá trình san lấp được thu gom, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển đến khu vực bãi đổ thải phù hợp với quy hoạch của chính quyền địa phương theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí các thùng rác chuyên dụng có nắp đậy, dung tích khoảng 45-120 lít/thùng, đảm bảo thu gom toàn bộ CTR sinh hoạt, CTR thông thường phát sinh từ hoạt động tại khu nhà hành chính - dịch vụ, các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án (trạm XLNT tập trung, trạm biến áp 110kV KCN Tân phước 1,...), khu vực đường giao thông nội bộ, cây xanh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý định kỳ theo quy định.

- CTR thông thường từ khu vực các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án (trạm XLNT tập trung, trạm biến áp 110kV KCN Tân phước 1,...) được thu gom, lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ CTR thông thường trong các thiết bị lưu chứa phù hợp và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ bể tự hoại, hoạt động nạo vét hố ga thoát nước mưa, thoát nước thải được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- CTR phát sinh từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN do các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ CTR thông thường phát sinh đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Trường hợp vận chuyển đất đá từ Dự án ra ngoài phạm vi Dự án thì phải tuân thủ quy định của pháp luật khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý CTNH

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- CTNH phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy kín và lưu giữ tạm tại khu vực lưu giữ tạm thời có diện tích 06 m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- Kho lưu chứa CTNH phải xây dựng đúng quy cách, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- CTNH phát sinh từ khu nhà điều hành dịch vụ, trạm XLNT tập trung (trừ bùn thải), các công trình hạ tầng kỹ thuật của Dự án được phân loại và lưu giữ tạm thời tại 01 kho chứa CTNH diện tích khoảng 37,2 m² tại khu vực trạm XLNT tập trung; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- CTNH phát sinh từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN do chủ cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với bùn thải từ trạm XLNT tập trung là chất thải công nghiệp phải kiểm soát được thu gom dẫn về bể nén bùn sau đó qua máy ép bùn, bùn khô được lưu giữ tại các khu vực: Khu vực có diện tích khoảng 135 m²; nhà chứa bùn kết hợp với phơi bùn số 1 có diện tích khoảng 894 m²; nhà chứa bùn kết hợp với phơi bùn số 2 có diện tích khoảng 874 m² và nhà chứa bùn kết hợp với phơi bùn số 3 có diện tích khoảng 708 m².

- Thực hiện lấy mẫu phân tích chất lượng bùn thải tại trạm XLNT tập trung của KCN. Trường hợp bùn thải có thành phần nguy hại phải bố trí khu vực lưu giữ CTNH đủ diện tích, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; trường hợp bùn thải được xác định là CTR công nghiệp thông thường, bùn thải được Chủ dự án thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng, thu gom xử lý cùng với CTR công nghiệp thông thường của Dự án.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ các loại CTR công nghiệp thông thường, CTR sinh hoạt, CTNH phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận, đảm bảo phù hợp với quy hoạch và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ CTNH và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị gây ồn lớn vào cùng một thời điểm, đặc biệt là khi thi công tại vị trí tiếp giáp khu dân cư xung quanh; sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng cho phép.

- Hạn chế thi công vào các khoảng thời gian nghỉ (buổi trưa từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 00 phút, buổi tối từ 18 giờ 00 phút đến 06 giờ 00 phút sáng hôm sau) của người dân trong khu vực để hạn chế tác động tiếng ồn đến khu dân cư.

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí máy phát điện trong phòng cách âm; thường xuyên kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng.

- Lắp biển cảnh báo tốc độ tối đa các loại xe được lưu thông trên các tuyến đường nội bộ của Dự án.

- Trồng cây xanh dọc vỉa hè hai bên tuyến đường giao thông nội bộ, xung quanh hàng rào Dự án.

- Yêu cầu, giám sát các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp.

- Không bố trí vị trí các loại hình sản xuất có nguy cơ gây tiếng ồn lớn tại các lô đất công nghiệp gần với khu dân cư.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (Từ ngày 01/01/2027 áp dụng QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung).

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng và sử dụng các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

- Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Đối với phương án bơm cát san nền Dự án, bố trí bờ bao đúng kỹ thuật, đảm bảo độ cao (tối thiểu 2,1 m), vững chắc, vật liệu đắp bờ bao phù hợp có khả năng ngăn nước, giữ cát, không xảy ra sạt trượt. Việc bơm cát được thực hiện theo từng khu, không bơm ồ ạt, không bơm cát vào ngày có mưa để hạn chế thấp nhất lượng nước chảy tràn phát sinh trong quá trình bơm. Thường xuyên kiểm tra các bờ bao, trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ, hư hỏng phải kịp thời khắc phục.

- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; định kỳ thực hiện giám sát nguy cơ gây lún, nứt các công trình khu vực Dự án trong suốt quá trình thi công. Trường hợp xảy ra lún, nứt hoặc tiềm ẩn nguy cơ lún, nứt ảnh hưởng các công trình hạ tầng và các công trình khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù mọi thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ra theo quy định của pháp luật.

b) Giai đoạn vận hành

b1) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố trạm XLNT tập trung

- Phương án phòng ngừa sự cố của trạm XLNT tập trung:

+ Bố trí 01 máy phát điện dự phòng tại trạm XLNT tập trung để bảo đảm cấp điện liên tục cho hoạt động xử lý nước thải; thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo sẵn sàng thay thế ngay khi xảy ra sự cố; bố trí nhân viên quản lý, vận hành có trình độ chuyên môn, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập; thường xuyên tập huấn cho nhân viên vận hành.

+ Trạm XLNT tập trung được thiết kế với 03 module độc lập, trong mỗi module có 03 bể Anoxic và 03 bể Aerotank để dễ dàng theo dõi từng cụm công trình, nhanh chóng phát hiện sự cố và có biện pháp xử lý kịp thời trước khi sự cố lan rộng. Trong trường hợp có sự cố, tách riêng module bị lỗi để sửa chữa, trong khi các module còn lại vẫn duy trì vận hành bình thường.

+ Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định để giám sát quá trình vận hành trạm XLNT tập trung, từ đó phát hiện, ngăn ngừa sự cố xảy ra.

+ Thiết lập cơ chế kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu nối từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp vào hệ thống thu gom nước thải. Bố trí các hố ga đầu nối thuận lợi cho việc tiếp cận, lấy mẫu, quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải từ các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN; thỏa thuận cụ thể với các doanh nghiệp thứ cấp về chất lượng nước thải của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trước khi đầu nối vào trạm XLNT tập trung.

- Phương án, công trình ứng phó sự cố của trạm XLNT tập trung:

+ Trong giai đoạn đầu khi lượng nước thải ít (lưu lượng nước thải phát sinh tối đa 3.000 m³/ngày), sử dụng một phần dung tích hữu dụng dư ra của hố thu gom và bể điều hòa A/B làm công trình ứng phó sự cố với thể tích phục vụ ứng phó sự cố là 3.217,75 m³. Trường hợp xảy ra sự cố, nước thải được lưu trữ tại hố thu gom T(101) thể tích hữu dụng là 644 m³ (thể tích phục vụ ứng phó sự cố là 612,5 m³), bể điều hòa (T103 A/B) thể tích chứa hữu dụng lần lượt là 1.463,7 m³ và 1.766,05 m³ (thể tích phục vụ ứng phó sự cố lần lượt là 838,75 m³ và 1.766,05 m³).

+ Từ giai đoạn 2, xây dựng 01 hồ sự cố thể tích 6.000 m³ cùng thời điểm với Module 2 của trạm XLNT tập trung. Hồ sự cố đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết

kế về xây dựng, đáy hồ lót bạt HDPE, thành hồ đổ bê tông cốt thép hoặc xây đá hộc đồng thời lót vải địa kỹ thuật và bạt HDPE chống thấm được xây cao hơn độ cao san nền, đảm bảo nước mưa không chảy tràn vào hồ.

Tổng thời gian lưu chứa tối đa của hồ sự cố và các bể như sau:

+ Giai đoạn 1 (lưu lượng xả nước thải lớn nhất là $3.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$): Tổng thời gian lưu chứa dư tối đa của Hồ thu gom - T101 (dung tích lưu chứa sự cố là $612,5 \text{ m}^3$), Bể điều hòa - T103 A/B (dung tích lưu chứa sự cố lần lượt là $838,75 \text{ m}^3$ và $1.766,05 \text{ m}^3$) là 25,74 giờ (lớn hơn 01 ngày).

+ Giai đoạn 2 (lưu lượng xả nước thải lớn nhất là $6.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$): Tổng thời gian lưu chứa tối đa của hồ sự cố (6.000 m^3), Hồ thu gom - T101 (dung tích lưu chứa sự cố là $582,5 \text{ m}^3$) và bể điều hòa - T103 A/B (dung tích lưu chứa sự cố là 1.980 m^3) là 34,25 giờ (lớn hơn 01 ngày).

+ Giai đoạn 3 (lưu lượng xả nước thải lớn nhất là $9.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$): Tổng thời gian lưu chứa tối đa của hồ sự cố (6.000 m^3), Hồ thu gom - T101 (dung tích lưu chứa sự cố là $551,25 \text{ m}^3$) và bể điều hòa - T103 A/B (dung tích lưu chứa sự cố là $1.353,75 \text{ m}^3$) là 21,08 giờ (gần 01 ngày).

+ Trường hợp 1 hoặc 2 trong tổng 03 module bị sự cố, khẩn trương cô lập, cách ly module bị sự cố và tiến hành sửa chữa; đồng thời tiếp tục vận hành các module còn lại để xử lý nước thải và phân phối nước thải về các cụm bể xử lý, đảm bảo không vượt quá khả năng xử lý của từng cụm bể và không làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận nước thải của KCN. Trường hợp cả 03 module xảy ra sự cố, nước thải được bơm về lưu giữ tạm thời tại hồ thu gom, các bể điều hòa và hồ sự cố để lưu trữ trong thời gian khắc phục sự cố; sau khi sự cố được khắc phục, nước thải từ hồ sự cố được bơm trở lại hệ thống để tiếp tục xử lý.

+ Thỏa thuận với các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN về việc tạm dừng tiếp nhận nước thải từ đơn vị thứ cấp về hệ thống xử lý nước thải tập trung trong trường hợp quá thời gian lưu chứa tối đa của công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố; yêu cầu và thỏa thuận với các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp chủ động bố trí các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải với quy mô phù hợp để nâng cao năng lực ứng phó sự cố về môi trường đối với nước thải tại KCN. Trường hợp công trình ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải của Dự án không còn khả năng lưu chứa nước thải, thực hiện đóng van đầu nối nước thải từ các đơn vị thứ cấp vào hệ thống thu gom nước thải của KCN và thông báo các đơn vị thứ cấp về việc tạm ngừng tiếp nhận nước thải, vận hành phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải tại các đơn vị thứ cấp để hỗ trợ khắc phục sự cố trạm XLNT tập trung của KCN.

b2) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với các hệ thống xử lý mùi

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

- Bố trí máy phát điện dự phòng trong trường hợp mất điện đảm bảo các hệ thống xử lý mùi hoạt động bình thường.

- Lắp đặt thiết bị đo pH đối với dung dịch hấp thụ để duy trì giá trị pH ở mức 10-12.

b3) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Lập phương án chữa cháy, cứu nạn trình cấp có thẩm quyền thẩm duyệt, xác nhận theo quy định, thành lập đội PCCC chuyên ngành và trang bị xe chữa cháy theo quy định. Định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị ứng phó cháy nổ, đảm bảo các thiết bị luôn ở trạng thái hoạt động tốt để công tác ứng phó sự cố cháy nổ được thực hiện an toàn.

- Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy đối với người lao động làm việc tại Dự án.

- Định kỳ tập huấn, diễn tập công tác an toàn phòng cháy, chữa cháy cho người lao động làm việc tại Dự án, bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

b4) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất, sự cố hệ thống kho lưu giữ CTR, CTNH

- Xây dựng theo đúng thiết kế, bố trí các biển cảnh báo, các thiết bị lưu chứa chất thải theo đúng quy định; đảm bảo khoảng cách phù hợp đối với các loại chất thải có khả năng tương tác với nhau gây cháy nổ hoặc sự cố khác; bố trí các thiết bị ứng phó sự cố chảy tràn chất thải lỏng nguy hại.

- Lập kế hoạch, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật về hóa chất và tổ chức thực hiện; quản lý, bảo quản, lưu giữ hóa chất theo đúng quy định của pháp luật về hóa chất.

- Kho chứa hóa chất trong phạm vi dự án được thiết kế xây dựng đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước mưa chảy tràn: Trước khi san lấp mặt bằng, tiến hành đào hệ thống mương thoát nước mưa xung quanh KCN để dẫn nước mưa về Kênh Bảy ở phía Tây Dự án. Mương có mặt cắt hình thang, đáy rộng khoảng 03 m, mặt kênh rộng khoảng 08 m, chiều sâu khoảng 2,00 – 2,50 m, mái taluy dốc 1:1; các hố lắng tạm, thể tích khoảng 01m³ mỗi hố. Thường xuyên nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước và hố lắng, đảm bảo nước mưa không gây ngập úng trong khu vực Dự án và xung quanh Dự án.

- Tổ chức rà phá bom mìn tại khu vực mở rộng đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chỉ triển khai Dự án sau khi thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật.

- Đối với đất, đá đào từ quá trình đào trong giai đoạn thi công được tận dụng để san lấp mặt bằng, trồng cây xanh, đắp hoàn trả trong quá trình thi công trong phạm vi Dự án, không vận chuyển ra khỏi phạm vi Dự án.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, đường thủy, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công và tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.

- San nền phù hợp với cao độ hiện trạng khu vực xung quanh, đường giao thông khu vực và quy hoạch chung của địa phương; xây dựng hệ thống cống thu gom thoát nước mưa theo thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo khả năng thoát nước chung của khu vực.

b) Giai đoạn vận hành

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước mưa bề mặt trong KCN như phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nước mưa đổ ra kênh Bến Chùa – chợ Bung và kênh Hai qua 02 cửa xả (đã được Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Tiền Giang phản hồi về việc đấu nối thoát nước mưa của dự án tại Văn bản số 130/TL-KHKT ngày 27/03/2025).

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông, sửa chữa các tuyến mương, cống thoát nước mưa qua đường trong KCN; đảm bảo thực hiện các biện pháp thoát nước mưa hợp lý để không xảy ra tình trạng ngập úng trong và ngoài KCN.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư:

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý môi trường của Dự án phải đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường nêu tại Mục 4 trong Quyết định này trước khi tiến hành triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Giai đoạn thi công xây dựng

5.2.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 3 điểm trong khu vực dự án (1 vị trí tại đầu đường dẫn vào KCN, 1 vị trí tại khu vực giữa dự án, 1 vị trí gần khu vực xây dựng trạm XLNT tập trung).

- Chỉ tiêu giám sát: Bụi tổng, SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (Từ ngày 01/01/2027 áp dụng QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung).

5.2.2. Giám sát chất lượng môi trường nước mặt

- Thông số giám sát: pH, COD, BOD₅, DO, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Tổng dầu, mỡ, Tổng Coliform.
- Vị trí giám sát: 01 điểm trên kênh Bến Chùa - Chợ Bưng (hay còn gọi là Kênh Năng) đoạn qua khu vực thi công Dự án.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (mức B).

5.2.3. Giám sát, quản lý CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH

- Thực hiện phân định, phân loại các loại CTR công nghiệp thông thường, CTR sinh hoạt và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Định kỳ chuyển giao CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2.4. Giám sát khác

Giám sát khả năng ngập úng, tiêu thoát nước tại khu vực thi công xây dựng Dự án và các khu vực xung quanh liên kết với Dự án.

5.3. Giai đoạn vận hành

5.3.1. Giám sát nước thải tự động, liên tục

- Vị trí quan trắc nước thải tự động, liên tục: Tại mương quan trắc.
- Tần suất: Tự động, liên tục 24h/24h.
- Các thông số giám sát tự động bao gồm: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.
- Quy chuẩn so sánh: theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 0,9$ (Từ ngày 01/01/2032 áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) và QCVN 08:2023/BTNMT, mức B (đối với chỉ tiêu COD và Amoni).

5.3.2. Giám sát nước thải định kỳ

- Vị trí giám sát: 1 điểm tại mương quan trắc sau trạm XLNT.
- Thông số và tần suất giám sát:
 - + 03 tháng/lần đối với các chỉ tiêu theo QCVN 40:2011/BTNMT (Từ ngày 01/01/2032, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp); trừ các chỉ tiêu tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ, Tổng PCB).
 - + 01 năm/lần đối với các chỉ tiêu tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ, Tổng PCB.

- Quy chuẩn so sánh: theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 0,9$ (Từ ngày 01/01/2032, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) và QCVN 08:2023/BTNMT, mức B (đối với chỉ tiêu BOD_5 , COD, Amoni).

5.3.3. Giám sát, quản lý CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH

- Thực hiện phân định, phân loại các loại CTR công nghiệp thông thường, CTR sinh hoạt và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyên giao CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Đối với bùn thải từ trạm XLNT tập trung được thực hiện phân định và so sánh với QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải. Trường hợp các thông số quan trắc vượt ngưỡng nguy hại thì quản lý dưới dạng CTNH.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các yêu cầu đối với Chủ dự án được nêu tại Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 31/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án, Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Tân Phước 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Tuân thủ quy định tại Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước và các văn bản pháp luật có liên quan; phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật; phối hợp với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thi công theo quy định.

- Xây dựng phương án cảnh giới và điều tiết lưu thông trước khi triển khai thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công; bố trí lực lượng, phương tiện tham gia công tác cảnh giới và điều tiết lưu thông theo quy định để quản lý, theo dõi các báo hiệu công trường và khu vực thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan tới báo hiệu đang quản lý và bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động xấu đến cảnh quan, môi trường, hệ sinh thái, các công trình hiện

hữu và đời sống kinh tế, xã hội của cộng đồng dân cư khu vực Dự án và lân cận trong quá trình thi công xây dựng, vận hành các hạng mục công trình của Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của Dự án; thiết kế vị trí xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, đảm bảo tỷ lệ cây xanh và khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường của Dự án được bố trí phù hợp với các loại hình thu hút đầu tư trong KCN.

- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề được phê duyệt tại Quyết định này; yêu cầu các dự án đầu tư thứ cấp vào Khu công nghiệp phải thực hiện thủ tục môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án và các dự án đầu tư thứ cấp vào KCN; đảm bảo việc tiếp nhận dự án đầu tư thứ cấp có phát sinh nước thải vào KCN phải phù hợp với khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của trạm XLNT tập trung.

- Dự án đầu tư thứ cấp trong KCN đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật để giảm thiểu ảnh hưởng của các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác và các đối tượng kinh tế - xã hội xung quanh Dự án; thuận lợi cho công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tăng cường khả năng cộng sinh công nghiệp; không bố trí, quy hoạch các dự án đầu tư thứ cấp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có hoạt động phát sinh bụi, mùi khó chịu hoặc tiếng ồn cao tại vị trí gần khu vực gần khu dân cư hiện trạng hoặc khu vực quy hoạch khu vực tái định cư.

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A (Từ ngày 01/01/2032, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) và đạt QCVN 08:2023/BTNMT, mức B đối với chỉ tiêu BOD₅, COD và Amoni trước khi xả ra môi trường; không xả nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan. Nghiên cứu, thực hiện Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2025.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra; thực hiện công khai kết quả quan trắc nước thải tự động liên tục và kết quả quan trắc nước thải định kỳ của Dự án theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi

trường, an ninh trật tự đối với chủ đầu tư các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp và người lao động làm việc tại Dự án.

- Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của KCN phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; tiếp nhận báo cáo công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của KCN gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN theo quy định của pháp luật; tổ chức kiểm tra việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường đối với chủ dự án đầu tư các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp khi đăng ký vào KCN để phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân và kiến nghị với cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện Dự án chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày có Quyết định này.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn triển khai Dự án, khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai trong quá trình triển khai Dự án; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu gây ra sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường hoặc các thiệt hại về tài sản, tính mạng của cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai có nguyên nhân từ thiết kế công trình hạ tầng, kỹ thuật của Dự án.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng./.